

**BÁO CÁO THUYẾT MINH  
THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2017 TỈNH KHÁNH HOÀ**

Thực hiện Điều 34 Luật Đất đai năm 2013, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về Thi hành Luật Đất đai, Thông tư 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Thống kê kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

Việc thống kê đất đai hàng năm nhằm đánh giá thực trạng tình hình sử dụng đất và biến động trong sử dụng đất, các đối tượng sử dụng đất; làm cơ sở cho việc xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về đất đai, lập quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất các cấp; cung cấp kịp thời những thông tin chi tiết và chính xác về đất đai; đáp ứng những nhu cầu sử dụng đất của các ngành kinh tế, văn hoá, xã hội và an ninh - quốc phòng.

*Phần thứ nhất*

**NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỐNG KÊ  
ĐẤT ĐAI NĂM 2017**

**I. NỘI DUNG:**

**1. Công tác thống kê:**

Thống kê đất đai hàng năm nhằm xác định rõ quỹ đất đang sử dụng, quỹ đất đã đưa vào sử dụng, quỹ đất chưa sử dụng, đánh giá thực trạng sử dụng đất và tình hình biến động đất đai so với kỳ thống kê trước, việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt.

Thống kê diện tích đất đai năm 2017 được thực hiện trên cơ sở số liệu thống kê diện tích đất đai năm 2016 được cập nhật những biến động về loại đất, đối tượng sử dụng, đối tượng quản lý trong năm 2017 theo hồ sơ địa chính.

**2. Các nội dung cụ thể thống kê đất đai năm 2017:**

- Thống kê số liệu diện tích đến từng loại đất, từng nhóm đối tượng sử dụng và đối tượng quản lý trên toàn tỉnh;

- Đánh giá cơ cấu diện tích từng loại đất theo mục đích sử dụng và đối tượng sử dụng, đối tượng quản lý đất;

- Phân tích, đánh giá tình hình biến động sử dụng đất từ năm 2016 đến năm 2017;

- Ngoài các nội dung trên, thông kê năm 2017 còn thực hiện thêm nội dung: Tranh chấp địa giới hành chính: Tỉnh Khánh Hoà và tỉnh Đắk Lắk (trực tiếp là giữa hai xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà với xã Ea Trang, huyện Ma Đ'Răk, tỉnh Đắk Lắk) hiện đang chồng lấn về địa giới hành chính cấp tỉnh với diện tích chồng lấn được làm tròn là 9300 ha (Theo Công văn số 7592/UBND ngày 27/11/2014 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc thống nhất các số liệu tại khu vực địa giới hành chính còn chồng lấn giữa tỉnh Khánh Hoà và tỉnh Đắk Lắk).

Về cơ bản, lãnh đạo giữa hai tỉnh đã thống nhất số liệu tại khu vực chồng lấn nêu trên. Bộ Nội vụ cần có phương hướng giải quyết triệt để vấn đề chồng lấn này, tiến tới hoàn thành việc cắm mốc địa giới hành chính ngoài thực địa và hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính tại các tỉnh.

Tuy nhiên, chưa giải quyết xong về địa giới hành chính, nên phần diện tích tranh chấp đã được trừ ra từ kỳ kiểm kê đất đai năm 2014.

## **II. PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH:**

### **1. Phương pháp thống kê:**

- Số liệu thống kê cấp tỉnh được tổng hợp từ số liệu thống kê của các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, trên cơ sở ứng dụng phần mềm TK Online của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Số liệu thống kê đất đai cấp huyện được tổng hợp từ số liệu thống kê đất đai của cấp xã trong phạm vi đơn vị hành chính của huyện.

### **2. Các bước tiến hành:**

#### **Bước 1: Chuẩn bị**

- Thu thập tài liệu, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn cho các huyện, thị xã, thành phố.

- Cung cấp và tập huấn phần mềm TK Tool và TK Online cho các huyện, thị xã, thành phố.

- Tập huấn chỉnh lý biến động từ bản đồ khoanh đất trên phần mềm MicroStation, Famis, VietMap.

- Thống nhất kế hoạch thực hiện: đồng thời kiểm tra số liệu ở 3 cấp (xã, huyện, tỉnh).

## **Bước 2: Tổ chức thực hiện:**

- Hướng dẫn các địa phương cách thu thập tài liệu, đối soát thực địa, chỉnh lý những biến động từ cấp xã để tổng hợp cấp huyện;
- Kiểm tra số liệu thống kê cấp huyện, chỉnh lý và tổng hợp số liệu cấp tỉnh;
- Kiểm tra hoàn chỉnh tài liệu, viết báo cáo thuyết minh;
- Trình duyệt hồ sơ, gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường

*Phần thứ hai*  
**KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2017**

**I. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH KHÁNH HOÀ NĂM 2017:**

Tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh **513.779,50** ha được phân bổ chi tiết như sau:

Thứ tự	Mục đích sử dụng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>	<b>513.779,50</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>335.379,54</b>	<b>65,28</b>
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	100.382,34	19,54
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	59.831,73	11,65
1.1.1.1	Đất trồng lúa	25.449,24	4,95
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	34.382,49	6,69
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	40.550,61	7,89
1.2	Đất lâm nghiệp	226.710,95	44,13
1.2.1	Đất rừng sản xuất	109.081,92	21,23
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	99.430,46	19,35
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	18.198,57	3,54
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	6.767,01	1,32
1.4	Đất làm muối	1.021,30	0,20
1.5	Đất nông nghiệp khác	497,94	0,10
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>100.783,35</b>	<b>19,62</b>
2.1	Đất ở	6.671,51	1,30
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	4.352,59	0,85
2.1.2	Đất ở tại đô thị	2.318,92	0,45
2.2	Đất chuyên dùng	36.183,22	7,04
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	139,48	0,03
2.2.2	Đất quốc phòng	13.803,78	2,69
2.2.3	Đất an ninh	1.407,98	0,27
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	1.382,48	0,27
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	5.999,10	1,17
2.2.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	13.450,40	2,62
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	307,27	0,06
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	114,72	0,02
2.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	1.046,93	0,20
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	5.984,45	1,16
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	842,79	0,16
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	49.632,46	9,66
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>77.616,61</b>	<b>15,11</b>
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	2.736,81	0,53
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	74.526,21	14,51
3.3	Núi đá không có rừng cây	353,57	0,07

## **1. Đất nông nghiệp:**

- Tổng diện tích đất nông nghiệp năm 2017 là 335379,54 ha chiếm tỷ lệ 65,28 % diện tích tự nhiên toàn tỉnh, bao gồm những loại đất sau:

### **1.1 Đất sản xuất nông nghiệp:**

Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh theo thống kê năm 2017 là 100382,34 ha chiếm tỷ lệ 19,54% diện tích tự nhiên. Được phân ra các loại đất sau:

- **Đất trồng cây hàng năm:** Diện tích là 59831,73 ha chiếm 11,65 % diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Trong đó:

+ Đất trồng lúa: 25449,24 ha;

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 34382,49 ha.

- **Đất trồng cây lâu năm:** Diện tích là 40550,61 ha chiếm tỷ lệ 7,89% diện tích tự nhiên.

#### **\* Đất sản xuất nông nghiệp được phân theo đối tượng sử dụng:**

- Hộ gia đình cá nhân: 94842,12 ha, chiếm 94,48 % đất sản xuất nông nghiệp;

- Tổ chức kinh tế: 1053,35 ha, chiếm 1,05 % đất sản xuất nông nghiệp;

- Cơ quan, đơn vị của Nhà nước: 4456,76 ha, chiếm 4,44 % đất sản xuất nông nghiệp;

- Tổ chức sự nghiệp công lập: 6,50 ha, chiếm 0,01 % đất sản xuất nông nghiệp;

- Tổ chức khác: 3,60 ha, chiếm 0,004 % đất sản xuất nông nghiệp;

- Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo: 20,00 ha, chiếm 0,02 % đất sản xuất nông nghiệp;

### **1.2. Đất lâm nghiệp:**

Diện tích đất lâm nghiệp trên toàn tỉnh là 226710,95 ha chiếm 44,13 % diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Trong đó:

- **Đất rừng sản xuất:** 109081,92 ha chiếm 21,23 % diện tích tự nhiên;

- **Đất rừng trồng phòng hộ:** 99430,46 ha chiếm 19,35 % diện tích tự nhiên;

- **Đất rừng đặc dụng:** 8198,57 ha chiếm 3,54 % diện tích tự nhiên.

#### **\* Đất Lâm nghiệp được phân theo đối tượng sử dụng:**

- Hộ gia đình cá nhân: 48286,38 ha, chiếm 21,30 % đất lâm nghiệp;
- Tổ chức kinh tế: 75628,56 ha, chiếm 33,36 % đất lâm nghiệp;
- Tổ chức sự nghiệp công lập: 87347,93 ha, chiếm 38,53 % đất lâm nghiệp;
- Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo: 0,21 ha, chiếm 0,001 % đất lâm nghiệp;
- UBND cấp xã quản lý: 15026,81 ha, chiếm 6,63 % đất lâm nghiệp;
- Cộng đồng dân cư và tổ chức khác quản lý: 421,06 ha, chiếm 0,19 % đất lâm nghiệp.

### **1.3. Đất nuôi trồng thủy sản:**

- Trong năm 2017 diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 6767,01 ha chiếm 1,32 % diện tích tự nhiên toàn tỉnh.

#### **\* Đất nuôi trồng thủy sản được phân theo đối tượng sử dụng:**

- Hộ gia đình cá nhân sử dụng 5347,67 ha, chiếm 79,03 % đất nuôi trồng thủy sản;
- Tổ chức kinh tế: 199,65 ha, chiếm 2,95 % đất nuôi trồng thủy sản;
- Cơ quan, đơn vị của Nhà nước: 1208,29 ha, chiếm 17,86 % đất nuôi trồng thủy sản;
- Tổ chức sự nghiệp công lập: 0,56 ha, chiếm 0,01 % đất nuôi trồng thủy sản;
- Tổ chức khác: 0,24 ha, chiếm 0,003 % đất nuôi trồng thủy sản;
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 10,62 ha, chiếm 0,16 % đất nuôi trồng thủy sản.

### **1.4. Đất làm muối:**

- Trong năm 2017 diện tích đất làm muối là 1021,30 ha chiếm 0,20 % diện tích tự nhiên toàn tỉnh.

#### **\* Đất làm muối được phân theo đối tượng sử dụng:**

- Hộ gia đình cá nhân sử dụng 721,13 ha, chiếm 70,61 % đất làm muối;
- Tổ chức kinh tế: 158,53 ha, chiếm 15,52 % đất làm muối;
- Cơ quan, đơn vị của Nhà nước: 141,63 ha, chiếm 13,87 % đất làm muối.

### **1.5. Đất nông nghiệp khác:**

- Diện tích đất nông nghiệp khác năm 2017 là 497,94 ha chiếm 0,10 % diện tích tự nhiên toàn tỉnh.

**\* Đất nông nghiệp khác được phân theo đối tượng sử dụng:**

- Hộ gia đình cá nhân sử dụng 114,78 ha, chiếm 23,05 % đất nông nghiệp khác;

- Tổ chức kinh tế: 274,65 ha, chiếm 55,16 % đất nông nghiệp khác;

- Cơ quan, đơn vị của Nhà nước: 97,44 ha, chiếm 19,57 % đất nông nghiệp khác;

- Tổ chức khác: 10,93 ha, chiếm 2,20 % đất nông nghiệp khác;

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 0,14 ha, chiếm 0,03 % đất nông nghiệp khác.

**2. Đất phi nông nghiệp:**

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp trên toàn tỉnh là 100783,35 ha, chiếm 19,62 % diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Bao gồm những loại đất sau:

**2.1 Đất ở:** Năm 2017, diện tích đất ở là 6671,51 ha, chiếm tỷ lệ 1,30 % tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Trong đó:

- **Đất ở tại nông thôn:** Diện tích 4352,59 ha, chiếm tỷ lệ 0,85 % diện tích tự nhiên.

**\* Đất ở nông thôn được phân theo đối tượng sử dụng:**

- Hộ gia đình cá nhân sử dụng: 4169,13 ha, chiếm 95,79 % đất ở nông thôn;

- Tổ chức kinh tế: 152,74 ha, chiếm 3,51 % đất ở nông thôn;

- Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo: 0,08 ha, chiếm 0,002 % đất ở nông thôn;

- UBND xã quản lý: 30,65 ha, chiếm 0,70 % đất ở nông thôn;

- **Đất ở tại đô thị:** Diện tích 2318,92 ha, chiếm tỷ lệ 0,45 % diện tích tự nhiên.

**\* Đất ở đô thị được phân theo đối tượng sử dụng:**

- Hộ gia đình cá nhân sử dụng: 1899,52 ha, chiếm 81,91 % đất ở đô thị;

- Tổ chức kinh tế: 416,05 ha, chiếm 17,94 % đất ở đô thị;

- Tổ chức phát triển quỹ đất quản lý: 3,35 ha, chiếm 0,14 % đất ở đô thị.

**2.2. Đất chuyên dùng:**

Diện tích đất chuyên dùng toàn tỉnh là 36183,22 ha, chiếm tỷ lệ 7,04% diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Bao gồm các loại đất sau:

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** 139,48 ha chiếm tỷ lệ 0.03% diện tích tự nhiên;

- **Đất quốc phòng:** 13803,78 ha, chiếm tỷ lệ 2,69 % diện tích tự nhiên;

- **Đất an ninh:** 1407,98 ha, chiếm tỷ lệ 0.27 % diện tích tự nhiên;

- **Đất xây dựng công trình sự nghiệp:** 1382,48 ha, chiếm tỷ lệ 0.27% diện tích tự nhiên;

- **Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:** 5999,10 ha, chiếm 1.17% diện tích tự nhiên;

- **Đất sử dụng vào mục đích công cộng:** 13450,40 ha, chiếm tỷ lệ 2,62% diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Đất giao thông: 9075,79 ha;

+ Đất thủy lợi: 3323,61 ha;

+ Đất có di tích lịch sử - văn hoá: 121,23 ha;

+ Đất danh lam thắng cảnh: 7,08 ha;

+ Đất sinh hoạt cộng đồng: 55,27 ha;

+ Đất khu vui chơi giải trí công cộng: 293,40 ha;

+ Đất công trình năng lượng: 376,95ha;

+ Đất công trình bưu chính viễn thông: 28,69 ha;

+ Đất chợ: 49,93 ha;

+ Đất có bãi thải, xử lý chất thải: 117,67ha;

+ Đất công trình công cộng khác: 0,77 ha.

**\* Đất sử dụng vào mục đích công cộng được phân theo các đối tượng quản lý, sử dụng sau:**

- Tổ chức kinh tế sử dụng: 593,29 ha;

- Cơ quan đơn vị Nhà nước sử dụng: 170,67 ha;

- Tổ chức sự nghiệp công lập sử dụng: 235,27 ha;

- Tổ chức khác sử dụng: 0,14 ha;

- Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo sử dụng: 46,65 ha;



- UBND xã quản lý: 7606,47 ha;
- Tổ chức phát triển quỹ đất quản lý: 0,19 ha;
- Cộng đồng dân cư và Tổ chức khác quản lý: 4797,73 ha.

**2.3. Đất cơ sở tôn giáo:** 307,27 ha, chiếm 0,06 % diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh.

**2.4. Đất cơ sở tín ngưỡng:** 114,72 ha, chiếm 0,02 % diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh.

**2.5 Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:** diện tích 1046,93 ha, chiếm tỷ lệ 0.20% diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh. Trong đó:

- Hộ gia đình cá nhân: 44,65 ha;
- Tổ chức kinh tế: 54,04 ha;
- Cơ quan, đơn vị của Nhà nước: 838,99 ha;
- Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo: 109,25 ha;

**2.6 Đất sông ngòi kênh rạch, suối:** toàn tỉnh 5984,45 ha, chiếm tỷ lệ 1.16% diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh. Được phân theo các đối tượng sau:

- UBND xã quản lý: 3481,43 ha;
- Cộng đồng dân cư và Tổ chức khác quản lý: 2530,02 ha.

**2.7. Đất có mặt nước chuyên dùng:** 842,79 ha

**2.8. Đất phi nông nghiệp khác:** 49632,46 ha

**3. Đất chưa sử dụng:** 77616,61 ha, trong đó:

**3.1. Đất bằng chưa sử dụng:**

Diện tích đất bằng chưa sử dụng năm 2017 là 2736,81 ha, chiếm tỷ lệ 0,53% tổng diện tích tự nhiên.

**3.2. Đất đồi núi chưa sử dụng:**

Diện tích đất đồi núi chưa sử dụng năm 2017 là 74526,21 ha, chiếm tỷ lệ 14,51% tổng diện tích tự nhiên.

**3.3. Đất núi đá không có rừng cây:**

Diện tích đất núi đá không có rừng cây năm 2017 là 353,58 ha, chiếm tỷ lệ 0.07 % tổng diện tích tự nhiên trên toàn tỉnh.

## II. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG ĐẤT NĂM 2017

Tổng diện tích tự nhiên tỉnh Khánh Hoà năm 2017 không thay đổi. Tổng diện tích tự nhiên là 513.779,50 ha. So sánh số liệu thống kê đất đai toàn tỉnh với năm 2016 thì có một số loại đất chính biến động chủ yếu sau đây:

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Diện tích năm 2017 (ha)	So với năm 2016	
			Diện tích năm 2016 (ha)	Tăng(+) giảm(-)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>	<b>513.779,50</b>	<b>513.779,50</b>	<b>0,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>335379,54</b>	<b>336093,93</b>	<b>-714,39</b>
E.1	Đất sản xuất nông nghiệp	100382,34	100675,75	-293,41
E.1.1	Đất trồng cây hàng năm	59831,73	59973,37	-141,64
E.1.1.1	Đất trồng lúa	25449,24	25525,79	-76,55
E.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	34382,49	34447,58	-65,09
E.1.2	Đất trồng cây lâu năm	40550,61	40702,39	-151,78
E.2	Đất lâm nghiệp	226710,95	227114,24	-403,29
E.2.1	Đất rừng sản xuất	109081,92	109478,55	-396,63
E.2.2	Đất rừng phòng hộ	99430,46	99437,12	-6,66
E.2.3	Đất rừng đặc dụng	18198,57	18198,57	0,00
E.3	Đất nuôi trồng thủy sản	6767,01	6829,13	-62,12
E.4	Đất làm muối	1021,30	1021,83	-0,53
E.5	Đất nông nghiệp khác	497,94	452,97	44,97
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>100783,35</b>	<b>99867,73</b>	<b>915,62</b>
2.1	Đất ở	6671,51	6470,41	201,10
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	4352,59	4234,32	118,27
2.1.2	Đất ở tại đô thị	2318,92	2236,10	82,82
2.2	Đất chuyên dùng	36183,22	35519,67	663,55
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	139,48	135,69	3,79
2.2.2	Đất quốc phòng	13803,78	13754,99	48,79
2.2.3	Đất an ninh	1407,98	1409,31	-1,33
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	1382,48	1233,22	149,26
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	5999,10	6011,40	-12,30
2.2.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	13450,40	12975,07	475,33
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	307,27	286,14	21,13
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	114,72	114,72	0,00
2.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	1046,93	1047,99	-1,06
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	5984,45	5974,86	9,59
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	842,79	841,99	0,80
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	49632,46	49611,95	20,51
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>77616,61</b>	<b>77817,84</b>	<b>-201,23</b>
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	2736,81	2781,60	-44,79
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	74526,21	74682,66	-156,45
3.3	Núi đá không có rừng cây	353,57	353,57	0,00

Như vậy, trong năm 2017:

Diện tích đất nông nghiệp giảm 714,39 ha

Diện tích đất phi nông nghiệp tăng 915,62 ha

Diện tích đất chưa sử dụng giảm 201,23 ha.

Nhóm đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng chuyển sang đất phi nông nghiệp để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

## **II.1. Đất nông nghiệp:**

**1.1. Đất sản xuất nông nghiệp:** Năm 2017 diện tích là 100382,34 ha, giảm 293,40 ha so với năm 2016, do đất trồng cây hàng năm và đất trồng cây lâu năm giảm. Trong đó:

**1.1.1. Đất trồng cây hàng năm:** giảm 141,64 ha so với năm 2016, nguyên nhân

1.1.1.1 Đất trồng lúa: giảm 76,55 ha so với năm 2016, do chuyển sang đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất sử dụng vào mục đích công cộng, đất sông ngòi kênh rạch suối và đất phi nông nghiệp khác. Cụ thể:

- Huyện Cam Lâm: đất trồng lúa giảm 0,72 ha so với năm 2016 do chuyển sang đất trồng cây lâu năm 0,59 ha; đất ở nông thôn 0,05 ha; đất ở tại đô thị 0,08 ha (có quyết định chuyển mục đích).

- Huyện Diên Khánh: đất trồng lúa giảm 28,82 ha so với năm 2016 do chuyển sang đất ở nông thôn 13,93 ha (xã Diên An chuyển 6,12 ha, còn lại là các xã khác); đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,63 ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 13,79 ha (cụm công nghiệp Diên Phú) và đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,26 ha (đất giao thông).

- Huyện Khánh Sơn: đất trồng lúa giảm 0,16 ha so với năm 2016 do thu hồi đất của các hộ gia đình cá nhân để làm đường ở xã Thành Sơn

- Thành phố Nha Trang: đất trồng lúa giảm 34,22 ha so với năm 2016 do chuyển sang đất ở tại nông thôn 8,85 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,08 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 2,28 ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 14,84 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 7,2 ha; đất phi nông nghiệp khác 0,97 ha (có quyết định chuyển mục đích).

- Thị xã Ninh Hoà: đất trồng lúa giảm 11,88 ha so với năm 2016 do chuyển sang đất trồng cây lâu năm 0,09 ha; đất ở tại nông thôn 2,01 ha; đất ở tại đô thị

1,17 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,12 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,11 ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,05 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,51ha; đất sông ngòi kênh rạch suối 7,81 ha (dự án thoát lũ nạo vét sông Tân Lâm và xây dựng khu tái định cư Ninh Giang, Ninh Phụng, Ninh Thân ở thị xã Ninh Hoà)

- Huyện Vạn Ninh: đất trồng lúa giảm 0,71 ha so với năm 2016 do chuyển sang đất trồng cây lâu năm 0,06 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,18 ha, đất ở tại nông thôn 0,35 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,12 ha (có quyết định chuyển mục đích).

- Thành phố Cam Ranh: đất trồng lúa giảm 0,05 ha so với năm 2016 do chuyển sang đất ở tại nông thôn (có quyết định chuyển mục đích).

1.1.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác: giảm 65,09 ha so với năm 2016, do chuyển sang đất trồng cây lâu năm, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất quốc phòng, đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất sử dụng vào mục đích công cộng (xây dựng mới đường đi khu sản xuất Apa 1 và đường nối tiếp Tà Giang 2 ở huyện Khánh Sơn), đất xây dựng cơ sở tôn giáo (thành lập tu viện Tánh Minh tại huyện Khánh Vĩnh), đất nghĩa trang nghĩa địa, đất sông ngòi kênh rạch suối (do sạt lở đất tại sông Tô Hạp – Khánh Sơn).

**1.1.2. Đất trồng cây lâu năm:** giảm 151,78 ha so với năm 2016, nguyên nhân: do chu chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và do nhu cầu chuyển đổi trong nội bộ đất nông nghiệp, cụ thể: đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất rừng sản xuất, đất nông nghiệp khác, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất quốc phòng (xây dựng xưởng sản xuất chế thử - Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga ở Vĩnh Phương - Nha Trang), đất xây dựng công trình sự nghiệp (mở rộng trường Nguyễn Văn Trỗi ở Cam Ranh), đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất sử dụng vào mục đích công cộng, đất cơ sở tôn giáo, đất nghĩa trang nghĩa địa, đất sông ngòi kênh rạch suối, đất có mặt nước chuyên dùng.

Mặc khác, đất trồng cây lâu năm nhận sự chuyển dịch từ đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất rừng sản xuất, đất nghĩa trang nghĩa địa (cải táng đất mộ của hộ gia đình, cá nhân), đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng.

**1.2. Đất Lâm nghiệp:** năm 2017 diện tích là 226710,95 ha, giảm 403,29 ha so với năm 2016. Trong đó, đất rừng sản xuất giảm 396,63 ha và đất rừng phòng hộ giảm 6,66 ha. Cụ thể:

**1.2.1. Đất rừng sản xuất:** diện tích là 109081,92 ha, giảm 396,63 ha so với năm 2016, nguyên nhân: do chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác 2,23 ha; đất trồng cây lâu năm 6,71 ha; đất nông nghiệp khác 0,97 ha; đất ở tại nông thôn 27,13 ha; đất quốc phòng 101,92 ha (xây dựng vị trí đóng quân bãi huỷ nổ đạn cấp 5 kho 858 ở Cam Thịnh Tây và công trình phòng thủ, giám sát an ninh căn cứ Cam Ranh tại Cam Lập – thành phố Cam Ranh); đất xây dựng công trình sự nghiệp 3,51 ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 5,26 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 312,95 ha; đất nông nghiệp khác 4,39 ha; đất nghĩa trang nghĩa địa 1,24 ha.

Mặc khác, đất rừng sản xuất nhận sự chuyển dịch từ đất trồng cây lâu năm sang 0,02 ha; từ đất đồi núi chưa sử dụng sang 69,66 ha.

**1.2.2. Đất rừng phòng hộ:** năm 2017 diện tích là 99430,46 ha, giảm 6,66 ha so với năm 2016, nguyên nhân:

- Thành phố Nha Trang: giảm 2,72 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất sử dụng vào mục đích công cộng (dự án khu biệt thự sinh thái Cozy Gaden Vĩnh Lương – Nha Trang)

- Huyện Khánh Vĩnh: giảm 3,94 ha do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng (Quyết định số 952/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 về việc thu hồi rừng của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Trầm Hương và chuyển mục đích sử dụng từ rừng phòng hộ sang mục đích khác để thực hiện thủy điện Sông Chò 2 của Công ty CP thủy điện Sông Chò)

**1.3. Đất nuôi trồng thủy sản:** năm 2017 diện tích là 6767,01 ha, giảm 62,12 ha so với năm 2016, do chuyển sang đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất sử dụng vào mục đích công cộng, đất sông ngòi kênh rạch suối, đất phi nông nghiệp khác.

**1.4. Đất làm muối:** năm 2017 diện tích là 1021,30 ha, giảm 0,53 ha so với năm 2016, do chuyển sang đất ở tại đô thị, đất sử dụng vào mục đích công cộng.

**1.5. Đất nông nghiệp khác:** năm 2017 diện tích là 497,94 ha, tăng 44,97ha so với năm 2016, do chuyển sang từ đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất ở tại nông thôn, đất sử dụng vào mục đích công cộng, đất đồi núi chưa sử dụng.

Mặc khác, đất nông nghiệp khác chuyển sang đất xây dựng cơ sở tôn giáo 0,16 ha.

**II.2. Đất phi nông nghiệp:** Năm 2017 là 100783,35 ha, tăng 915,62 ha so với năm 2016, trong đó:

**2.1 Đất ở:** Diện tích năm 2017 là 6671,51 ha, tăng 201,10 ha so với năm 2016. Cụ thể:

**2.1.1. Đất ở tại nông thôn:** Diện tích có 4352,59 ha, tăng 118,27 ha do chuyển sang từ đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất (các dự án quy hoạch khu dân cư ở Nha Trang như khu dân cư phía Tây Đất Lành, khu đô thị ven sông Tắc, khu đô thị Vĩnh Trung,...), đất nuôi trồng thủy sản, đất xây dựng công trình sự nghiệp (huyện Diên Khánh thu hồi 0,96 ha đất trụ sở thôn đem ra bán đấu giá), đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất có mục đích công cộng (dự án quy hoạch khu dân cư chuyển 3,63 ha đất giao thông và thủy lợi sang đất ở nông thôn ở thành phố Nha Trang), đất nghĩa trang nghĩa địa (các hộ gia đình cá nhân cải táng đất mộ của gia đình chuyển sang sử dụng và đề nghị cấp GCN QSDĐ lần đầu – thành phố Nha Trang), đất sông ngòi kênh rạch suối, đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng.

Mặc khác, cũng có sự chuyển dịch từ đất ở tại nông thôn sang đất nông nghiệp khác, sang đất quốc phòng (xây dựng xưởng sản xuất chế thử - Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga ở Vĩnh Phương - Nha Trang), sang đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, sang đất xây dựng công trình sự nghiệp, sang đất có mục đích công cộng, sang đất xây dựng cơ sở tôn giáo.

**2.1.2. Đất ở tại đô thị:** Diện tích năm 2017 là 2318,92 ha, tăng 82,82 ha do chuyển sang từ đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất xây dựng trụ sở cơ quan (quyết định 411/QĐ-UBND tỉnh ngày 16/02/2017 về việc thu hồi đất do Trường Chính Trị tỉnh Khánh hoà quản lý và giao cho công ty cổ phần Thanh Yên thuê), đất quốc phòng (dự án Khu trung tâm đô thị thương mại - dịch vụ - tài chính - du lịch Nha Trang), đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất có mục đích công cộng, đất sông ngòi kênh rạch suối, đất có mặt nước chuyên dùng, đất bằng chưa sử dụng (các dự án quy hoạch khu dân cư ở Nha Trang như Khu đô thị Mipeco, Khu đô thị VCN Phước Long 2,...).

Nguyên nhân đất ở tăng chủ yếu do chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở để phục vụ nhu cầu làm nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân.

**2.2. Đất chuyên dùng:** Diện tích năm 2017 là 36183,22 ha, tăng 663,55 ha so với năm 2016. Cụ thể:

**2.2.1. Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** tăng 3,79 ha do chuyển sang từ đất trồng lúa 0,21 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,70 ha; đất trồng cây lâu năm 0,56 ha; đất ở tại đô thị 0,07 ha; đất quốc phòng 2,17 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,07 ha; đất có mục đích công cộng 0,30 ha; mặc khác chuyển sang đất ở tại đô thị 0,02 ha; sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,11 ha;

sang đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,14 ha; sang đất có mục đích công cộng 0,02 ha.

**2.2.2. Đất quốc phòng:** tăng 48,79 ha do chuyển sang từ đất trồng cây hàng năm khác 0,57 ha; từ đất trồng cây lâu năm 2,06 ha; từ đất rừng sản xuất 101,92 ha (xây dựng vị trí đóng quân bãi huỷ nỏ đạn cấp 5 kho 858 ở Cam Thịnh Tây và công trình phòng thủ, giám sát an ninh căn cứ Cam Ranh tại Cam Lập – thành phố Cam Ranh); từ đất ở tại nông thôn 0,10 ha; từ đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 1,51 ha; từ đất có mục đích công cộng 0,01 ha;

Mặt khác, có sự chuyển dịch sang đất ở tại đô thị 28,38; sang đất xây dựng trụ sở cơ quan 2,17 ha; sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 2,53 ha; sang đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 7,10 ha; sang đất có mục đích công cộng 40,36 ha ha (thu hồi sân bay cũ Nha Trang để thực hiện dự án Khu trung tâm đô thị thương mại - dịch vụ - tài chính - du lịch Nha Trang).

**2.2.3. Đất an ninh:** giảm 1,33 ha do chuyển sang đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,67 ha (nhà khách T78 của Công an tỉnh đã chuyển giao cho tập đoàn Vingroup); sang đất có mục đích công cộng 0,66 ha (xây dựng đường giao thông ở khu Cảnh sát biển Ninh Hải – Ninh Hoà).

**2.2.4. Đất xây dựng công trình sự nghiệp:** tăng 149,26 ha do chuyển sang từ đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất quốc phòng, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất có mục đích công cộng, đất nghĩa trang nghĩa địa, đất sông ngòi kênh rạch suối, đất đồi núi chưa sử dụng.

**2.2.5. Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:** : giảm 12,30 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất quốc phòng, đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất có mục đích công cộng, đất phi nông nghiệp khác.

Mặt khác, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp nhận từ đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất quốc phòng, đất có mục đích công cộng, đất nghĩa trang nghĩa địa, đất sông ngòi kênh rạch suối, đất đồi núi chưa sử dụng chuyển sang.

**2.2.6. Đất sử dụng vào mục đích công cộng:** tăng 475,33 ha do chuyển sang từ đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất quốc phòng, đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất cơ sở tôn giáo, đất cơ sở tín ngưỡng, đất

nghĩa trang nghĩa địa, đất sông ngòi kênh rạch suối, đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng.

**2.3. Đất cơ sở tôn giáo:** tăng 21,13 ha do chuyển sang từ đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất (thành lập tu viện Tánh Minh tại huyện Khánh Vĩnh).

**2.4. Đất cơ sở tín ngưỡng:** năm 2017 không có sự thay đổi.

**2.5. Đất nghĩa trang, nghĩa địa:** giảm 1,06 ha do chuyển sang đất trồng cây lâu năm, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị (cải táng đất mộ của hộ gia đình, cá nhân), đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất có mục đích công cộng, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất sông ngòi kênh rạch suối, đất phi nông nghiệp khác

**2.6. Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối:** tăng 9,59 ha do chuyển sang từ đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất có mục đích công cộng (do sạt lở đất tại sông Tô Hạp – huyện Khánh Sơn và dự án thoát lũ nạo vét sông Tân Lâm - thị xã Ninh Hoà)

**2.7. Đất có mặt nước chuyên dùng** tăng 0,80 ha do chuyển sang từ đất trồng cây lâu năm.

**2.8. Đất phi nông nghiệp khác:** tăng 20,51 ha do chuyển sang từ đất trồng lúa, đất nuôi trồng thủy sản, đất có mục đích công cộng, đất nghĩa trang nghĩa địa, đất bằng chưa sử dụng.

### **II.3. Đất chưa sử dụng:**

**3.1. Đất bằng chưa sử dụng:** giảm 44,79 ha do chuyển sang đất trồng cây lâu năm, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất có mục đích công cộng.

**3.2. Đất đồi núi chưa sử dụng:** giảm 156,45 ha do chuyển sang đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất có mục đích công cộng, đất bằng chưa sử dụng.

**3.3. Núi đá không có rừng cây:** năm 2017 không có sự thay đổi.

## **III. HIỆN TRẠNG ĐẤT ĐAI PHÂN THEO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

Năm 2017, tổng diện tích tự nhiên các huyện và thị xã Ninh Hòa, TP Nha Trang, TP Cam Ranh, cụ thể như sau:



STT	Đơn vị hành chính	Tổng DT(ha)	Chia ra các loại đất (ha)		
			Nông nghiệp	Phi N.nghiệp	Chưa sử dụng
1	TP. Nha Trang	25428,44	9291,64	6705,99	9430,82
2	TP. Cam Ranh	32701,24	14128,90	12168,42	6403,92
3	Cam Lâm	54719,24	42369,61	5969,38	6380,24
4	Vạn Ninh	56183,16	35407,19	3498,35	17277,62
5	TX. Ninh Hoà	110794,96	80521,94	12649,18	17623,84
6	Khánh Vĩnh	116714,37	103665,20	3572,82	9476,35
7	Diên Khánh	33755,33	24053,99	4988,07	4713,27
8	Khánh Sơn	33852,76	25941,07	1601,14	6310,55
9	Trường Sa	49630,00		49630,00	

### ***Phần thứ ba***

### **KẾT LUẬN**

Số liệu thống kê đất đai tỉnh Khánh Hoà năm 2017 được thực hiện theo quy định của Bộ Tài Nguyên và Môi trường. Từ số liệu thống kê đất đai năm 2016 được cập nhật những biến động trong năm 2017 để có kết quả thống kê đất đai năm 2017. Số liệu thống kê đất đai năm 2017 được điều tra chỉnh lý theo kỳ kiểm kê đất đai 2014, được cập nhật các biến động đất đai trong các năm 2015, 2016, sau đó tổng hợp tự động trên phần mềm TK tool và TK online nên có tính thống nhất và độ chính xác cao.

Kết quả thống kê đất đai năm 2017 là cơ sở cho công tác lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm, phục vụ vào các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tài liệu được lưu trữ trên cả dạng số và dạng giấy nên thuận tiện cho việc sử dụng để phục vụ cho nhiều mục đích khác nhau; Thuận tiện cho việc theo dõi biến động sử dụng các loại đất nhằm góp phần quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai được tốt hơn./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở TN&MT;
- VPĐKĐĐ;
- Lưu VT. KN



**H. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Công Thiên**